

令和 2 年 5 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	56.7 t	7.60	3.0 cm	15.7 °C	
放流量	56.0 t	7.77	50.0 cm	15.7 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	256 KWH	3,935 KWH	6.23 t	
日平均使用量	8.3 KWH	126.9 KWH	0.20 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	7台: 4.28t	46台: 64.77t	53台: 30.60t	9台: 26.22t	1台: 2.07t	
前月累計	4台: 1.90t	39台: 60.26t	46台: 28.21t	9台: 23.56t	1台: 2.50t	
年度計	11台: 6.18t	85台: 125.03t	99台: 58.81t	18台: 49.78t	2台: 4.57t	

小計	
月計	116台: 127.94 t
前月累計	99台: 116.43 t
年度計	215台: 244.37 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	0.36 t	116台: 128.30 t
前月累計	0.40 t	99台: 116.83 t
年度計	0.76 t	215台: 245.13 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	28台	320 m <sup>3</sup>
前月累計	34台	291 m <sup>3</sup>
年度計	62台	611 m <sup>3</sup>

項目	日
搬入日数	19
日平均搬入数量	6.73 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	116.83 t	99台	スケール分散剤	40.00 kg
5	128.30 t	116台	凝集剤 パック	100.00 kg
6	t	台	凝集助剤 ポリマ	1.00 kg
7	t	台	固形塩素剤	2.00 kg
8	t	台	脱水助剤 104	1.00 kg
9	t	台	脱水助剤 94b	kg
10	t	台	アワゼロン	kg
11	t	台	清缶剤	kg
12	t	台	並塩	kg
1	t	台	リン酸	kg
2	t	台	保護マット	枚
3	t	台	汚泥量	2.50 m <sup>3</sup>
			脱水ケーキ量	0.36 t
計	245.13 t	215台	脱水機運転時間	3:30 H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	晴	10 °C	17 °C	8 °C
2		°C	°C	°C
3		°C	°C	°C
4	曇	8 °C	20 °C	16 °C
5		°C	°C	°C
6		°C	°C	°C
7	晴	10 °C	12 °C	2 °C
8	晴	12 °C	20 °C	2 °C
9		°C	°C	°C
10		°C	°C	°C
11	曇/雨	13 °C	19 °C	8 °C
12	晴	17 °C	20 °C	8 °C
13	曇/雨	16 °C	20 °C	12 °C
14	曇/晴	12 °C	15 °C	7 °C
15	晴	14 °C	21 °C	6 °C
16		°C	°C	°C
17		°C	°C	°C
18	晴	12 °C	15 °C	4 °C
19	晴	10 °C	16 °C	5 °C
20	晴	14 °C	14 °C	3 °C
21	晴	14 °C	16 °C	2 °C
22	晴	13 °C	15 °C	4 °C
23		°C	°C	°C
24		°C	°C	°C
25	晴	15 °C	20 °C	8 °C
26	晴	15 °C	17 °C	9 °C
27	雨	12 °C	14 °C	10 °C
28	晴	15 °C	17 °C	10 °C
29	晴	20 °C	24 °C	9 °C
30		°C	°C	°C
31		°C	°C	°C